TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2023/HS – ST
Ngày 24 - 8 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nhật Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thống

Ông Trịnh Văn Út

- Thư ký phiên tòa: Ông Thạch Ươn là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Mộng Cầm - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 38/2023/HSST ngày 04 tháng 7 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 280/2023/QĐXXST – HS, ngày 31 tháng 7 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 302/2023/HSST-QĐ, ngày 15 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn U, sinh năm 1941 (Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp H, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: Lớp 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn N (đã chết) và bà Phạm Thị T (đã chết); Anh chị em ruột: có 08 (tám) người, lớn nhất sinh năm 1938, nhỏ nhất sinh năm 1955; Vợ: Lê Thị L, sinh năm 1963; Con: có 08 (tám) người, lớn nhất sinh năm 1963, nhỏ nhất sinh năm 1987; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo Nguyễn Văn U bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20 tháng 02 năm 2023 cho đến nay.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn U: Bà Lục Khả T1 – Là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T (Có mặt).

Bị hại:

1. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1969 (Có mặt)
2. Bà Huỳnh Thị P, sinh năm 1970 (Có mặt)

Đồng nơi cư trú: ấp H, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn Khánh L1, sinh năm 1996 (Có mặt)

Nơi cư trú: ấp H, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Văn Bé N1, sinh năm 1970 (Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

2. Ông Nguyễn Duy P1, sinh năm 1981 (Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

3. Ông Phạm Văn T2, sinh năm 1985 (Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

4. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1980 (Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

5. Ông Nguyễn Văn T3, sinh năm 1950 (Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

6. Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1941 (Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Đồng nơi cư trú: ấp H, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

7. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1966 (Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp G, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

8. Ông Nguyễn Minh T4, sinh năm 1977 (Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp P, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

9. Em Nguyễn Văn Quang L2, sinh năm 2009 (Có mặt)

Nơi cư trú: ấp H, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người giám hộ cho em Nguyễn Văn Quang L2:

1. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1969

2. Bà Huỳnh Thị P, sinh năm 1970

Đồng nơi cư trú: ấp H, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mâu thuẫn từ trước, khoảng 08 giờ ngày 16 tháng 01 năm 2022, bị cáo Nguyễn Văn U một mình điều khiển xe mô tô đến vườn dừa của mình để dọn dẹp cây

tạp trong vườn và chờ thương lái đến bán dừa trái thì phát sinh mâu thuẫn dẫn đến cự cãi với bà Huỳnh Thị P sau đó bị cáo U ra về.

Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, bị cáo U quay lại vườn dừa mang theo một cây dao bằng kim loại dài 40 cm, cán dao làm bằng gỗ dài 15 cm, lưỡi dao làm bằng kim loại màu đen dài 25 cm, nơi rộng nhất lưỡi dao dài 6 cm để xem thương lái hái dừa và tiếp tục dọn cây. Do thấy ông Nguyễn Văn C đang đứng lặt lá mai cập hông nhà, thì giữa bị cáo U và ông C xảy ra mâu thuẫn dẫn đến cự cãi, bị cáo U yêu cầu ông C phải trả lại cây dùng xây nhà và đất ruộng để canh tác trước đây bị cáo cho vợ chồng ông C. Lúc này, ông C hăm dọa nếu bị cáo U còn tiếp tục chửi thì sẽ đánh bị cáo U. Lúc này, bị cáo U cầm theo cây dao kim loại có đặc điểm nêu trên đi sang phần đất giáp ranh với đất nhà ông C tiếp tục cự cải, thách thức, chửi ông C là đồ tâm thần đi không biết đường về. Do bực tức nên ông C liền đi đến vách lá ở trước nhà lấy một đoạn tre khô dài 102 cm, đường kính 3 cm, có một phần bị mục bể (đoạn tre để cập vách lá) cầm trên tay phải rồi tiến đến vị trí bị cáo U đang đứng, đánh nhiều cái trúng tay, chân của bị cáo U.

Do trên tay phải đang cầm dao kim loại, bị cáo U dùng dao chém trúng một cái vào vùng cánh tay trái và một cái vào vùng hông trái của ông C gây thương tích. Cùng lúc này, Nguyễn Văn Q L2 là con trai ông C đang đứng chơi trước sân nhà, chứng kiến sự việc nên chạy ra sau nhà nói cho bà P hay việc ông C bị bị cáo U gây thương tích. Bà P chạy ra trước sân thấy ông C vẫn còn giằng co qua lại với bị cáo U, do cánh tay trái của ông C bị chảy máu nên bà P đứng ra can ngăn thì bị bị cáo U dùng dao kim loại chém một cái trúng bàn tay phải của bà P gây thương tích. Sau đó, bị cáo U bỏ về nhà. Ông C và bà P được đưa đến Trung tâm y tế huyện C kiểm tra, điều trị thương tích. Do thương tích nặng, bà P được chuyển đến Bệnh viện đa khoa tỉnh T nhập viện, điều trị đến ngày 18/01/2022 xuất viện. Đến ngày 23/01/2022, ông C và bà P viết đơn yêu cầu giám định thương tích, xử lý hình sự đối với bị cáo U.

Quá trình điều tra bị cáo U thừa nhận hành vi dùng dao kim loại chém gây thương tích cho ông C và bà P vào ngày 16 tháng 01 năm 2022 tại ấp H, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 02/23/TgT ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Trung tâm Pháp y – Sở y tế tỉnh T kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của bị hại Nguyễn Văn C là 2% (hai phần trăm). Cơ chế hình thành vết thương: do ngoại lực tác động trực tiếp, vật gây ra thương tích là vật cứng có cạnh sắc; hướng từ trên xuống.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 03/23/TgT ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Trung tâm Pháp y – Sở y tế tỉnh T kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của bị hại Huỳnh Thị P là 2% (hai

phần trăm). Cơ chế hình thành vết thương: do ngoại lực tác động trực tiếp, vật gây ra thương tích là vật cứng có cạnh sắc; hướng từ trái sang phải.

Đối với thương tích ở vùng hông trái, do chỉ bị trầy xước nhẹ khi đến cơ sở y tế điều trị thương tích, ông C không khai báo với nhân viên y tế nên trong hồ sơ bệnh án không có ghi nhận. Do thương tích tại vùng hông trái hiện không để lại sẹo hay dấu vết gì nên ông C không yêu cầu giám định đối với thương tích này. (thể hiện qua các bút lục 71-121)

Quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Văn U đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội cố ý gây thương tích đối với ông C và bà P như nêu trên .

Tại bản cáo trạng số: 37/CT–VKS–HS, ngày 03 tháng 7 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh truy tố bị cáo Nguyễn Văn U, về tội "*Cố ý gây thương tích*" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Văn U vắng mặt. Quá trình giải quyết vụ án bị cáo không có văn bản ý kiến gì đối với bản cáo trạng của cơ quan Viện kiểm sát nhân dân huyện C. Quá trình điều tra, truy tố bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình như sau: Vào khoảng 09 giờ ngày 16 tháng 01 năm 2022 tại ấp H, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Bị cáo Nguyễn Văn U có hành vi dùng dao bằng kim loại chém ông Nguyễn Văn C và bà Huỳnh Thị P gây thương tích. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của ông Nguyễn Văn C là 2%, của bà Nguyễn Thị P2 là 2%.

Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn U phạm tội "Cố ý gây thương tích". Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ của vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Về tình tiết tăng nặng: không có; Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo là người có công với cách mạng, hiện thuộc đối tượng người cao tuổi đang nhận trợ cấp xã hội hàng tháng (trên 70 tuổi), hiện bị cáo đang bị bệnh đột quị não, đồng thời có một phần lỗi do phía bị hại C. Đây là những căn cứ để áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm e, i, o, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo. Vị đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm e, i, o, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn U từ 06 (S) đến 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 (Mười hai) đến 18 (Mười tám) tháng, về tội "*Cố ý gây thương tích*". Ngoài ra, về trách nhiệm dân sự căn cứ vào Điều 48 Bộ luật

Hình sự; các Điều 585, 586, 590 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo Ú bồi thường số tiền tổn thất tinh thần bằng mười tháng lương cơ sở tương đương với số tiền 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng) và tiền ngày công lao động trong thời gian điều trị và phục hồi vết thương là 30 ngày với số tiền 200.000 đồng/ngày bằng 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng). Tổng cộng 24.000.000 đồng (Hai mươi bốn triệu đồng) cho bị hại Huỳnh Thị P; Bị hại Nguyễn Văn C không yêu cầu bồi thường về dân sự nên không xem xét; Đề nghị xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) cây dao bằng kim loại dài 40 cm, cán dao làm bằng gỗ dài 15 cm bị nứt phía dưới cán, lưỡi dao làm bằng kim loại màu đen dài 25 cm, nơi rộng nhất lưỡi dao dài 6 cm; 01 (một) đoạn tre khô dài 102 cm, đường kính 3 cm, có một phần bị mục bể. Về án phí do bị cáo thuộc diện người cao tuổi nên được miễn nộp án phí.

Quan điểm của trợ giúp viên pháp lý người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn U: Vị hoàn toàn thống nhất với tội danh và khung hình phạt mà bản cáo trạng của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố đối với bị cáo. Tuy nhiên, vị đề nghị Hội đồng xét xử xem xét phân tích nguyên nhân, tính chất và mức độ của hành vi do bị cáo gây ra có một phần lỗi của bị hại C, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như đại diện Viện kiểm sát đã nêu và hiện bị cáo đang bị bệnh đột quị không thể đi lại được cần phải điều trị. Vì vậy, vị đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo như quan điểm mà Vị đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị. Về trách nhiệm dân sự: Đối với yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần do bị hại P không chứng minh được bị hại bị tổn thất tin thần gồm những vấn đề gì như mất uy tín, hàng xóm xa lánh… Vì vậy, vị đề nghị áp dụng mức bồi thường cho bà P bằng 05 (Năm) tháng lương cơ sở là hợp lý. Đối với khoản tiền bồi thường ngày công lao động vị thống nhất với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát.

Bị hại Nguyễn Văn C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn Khánh L1 không có ý kiến tranh luận.

Bị hại Huỳnh Thị P trình bày: Bà thống nhất theo đề nghị mức hình phát và chi phí bồi thường tổn thất tinh thần theo như Vị đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị. Tuy nhiên, đối với chi phí bồi thường ngày công lao động do bị cáo gây thương tích cho bà nên đến nay bà không thể đi làm thuê được như trước đây nên bà vẫn giữ nguyên yêu cầu về mức bồi thường ngày công lao động là 300 ngày, mỗi ngày 200.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Văn U vắng mặt không tranh luận và không nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và giới hạn xét xử của Tòa án theo Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự. Những người làm chứng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt là phù hợp với Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên Tòa vị đại diện Viện kiểm sát, người bào chữa, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vì việc vắng mặt của những người vắng mặt theo Điều 298 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2]. Lời nhận tội của bị cáo Nguyễn Văn U trong quá trình đều tra là phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng tại Cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do cơ quan Điều tra Công an huyện C thu thập được. Do vậy, Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Văn U về tội "*Cố ý gây thương tích*" theo quy định tại khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là phù hợp với qui định của pháp luật, không oan, không sai.

[3]. Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; Bởi vì, sức khỏe của con người là vốn quý không có gì bù bắp được, bản thân bị cáo và các bị hại là người thân trong gia đình cần phải quan tâm, chia sẽ thông cảm cho nhau những ngược lại giữa bị cáo và các bị hại thường phát sinh mâu thuẫn dẫn đến cự cải. Từ những mâu thuẫn, những lời nói của bị cáo và hành động thiếu chuẩn mực của bị hại C dẫn đến bị cáo dùng dao chém gây thương tích cho các bị hại và tỷ lệ thương tích của các bị hại là 4%. Hành vi của bị cáo thể hiện sự xem thường pháp luật, xem thường sức khỏe của người khác, gây mất an ninh trật tự, ảnh hưởng đến cuộc sống bình thường của người dân.

[4]. Tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, tội phạm đã hoàn thành, hậu quả đã xảy ra. Bị cáo nhận thức được hành vi gây thương tích cho người khác là vi phạm pháp luật. Hành vi của bị cáo là xem thường pháp luật, xâm phạm đến sức khỏe của người khác, gây nổi lo sợ và hoang mang đến tinh thần người bị hại, ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự xã hội ở địa phương.

[5]. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử cũng cần xem xét: Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo là người có công với cách mạng, hiện thuộc đối tượng người cao tuổi đang nhận trợ cấp xã hội hàng tháng (trên 70 tuổi), đồng thời có một phần lỗi do phía bị hại C đã dùng cây đánh bị cáo trước và hiện nay bị cáo đang bị bệnh đột quỵ não cấp hiện đi lại khó khăn. Đây là

những căn cứ để áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm e, i, o, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo. Do bị cáo Nguyễn Văn U có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, có nơi cư trú rõ ràng; hiện bị cáo đang bị bệnh đi lại khó khăn. Xét thấy không cần bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù nhưng bị cáo vẫn có khả năng tự cải tạo, nên cho bị cáo hưởng án treo là không nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Việc cho bị cáo hưởng án treo là phù hợp với quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP, ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị quyết số: 02/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa tại phiên tòa là có căn cứ theo quy định của pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Đối với bị hại Nguyễn Văn C: Quá trình xảy ra vụ án, bị cáo U là người xúc phạm ông C và gây sự trước, ông Nguyễn Văn C không kiềm chế được bản thân đã dùng đoạn tre khô mục đánh nhiều cái trúng tay, chân của bị cáo U. Theo khai nhận của bị cáo U, sau khi sự việc xảy ra, bị cáo U bị trầy xước, sưng bầm nhẹ ở tay, chân nhưng không có đến cơ sở y tế điều trị, chỉ đi chụp X-quang, kiểm tra thương tích tại Phòng khám cơ, xương, khớp của bác sỹ Huỳnh Hữu N2 tại phường F, thành phố T, tỉnh Trà Vinh, kết quả khám bác sỹ kết luận bị cáo U bị chấn thương phần mềm nên chỉ kê thuốc uống. Hiện bị cáo U không còn lưu giữ chứng tờ, hóa đơn điều trị và bị cáo U cũng không yêu cầu giám định thương tích hay xử lý người gây thương tích cho bị cáo U do thương tích nhẹ. Qua xác minh tại phòng khám hiện không còn lưu giữ thông tin ghi nhận về thương tích của bị cáo U vào ngày 16 tháng 01 năm 2022. Hành vi của Nguyễn Văn C không đủ yếu tố cấu thành tội phạm, hiện đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Văn C.

[7]. Đối với bị hại Huỳnh Thị P: Quá trình điều tra, bị cáo U khai nhận ngoài ông C thì bà P cũng sử dụng một đoạn tre khô khác đánh bị cáo U. Tuy nhiên khi xảy ra vụ việc có Nguyễn Văn Quang L2 trực tiếp chứng kiến, xác định khi ông C và bị cáo U giằng co thì bà P đang ở sau nhà nấu đồ ăn, khi Nguyễn Văn Q L2 cho hay thì bà P chạy đến can ngăn, khi đi không mang theo bất kỳ vật, hung khí gì. Ngoài ra, không còn tài liệu chứng cứ nào khác chứng minh bà P có đánh bị cáo U nên lời trình bày của bị cáo U không có căn cứ.

[8]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa

vụ liên quan; người làm chứng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[9]. Về vật chứng: 01 (một) cây dao bằng kim loại dài 40 cm, cán dao làm bằng gỗ dài 15 cm bị nứt phía dưới cán, lưỡi dao làm bằng kim loại màu đen dài 25 cm, nơi rộng nhất lưỡi dao dài 6 cm; 01 (một) đoạn tre khô dài 102 cm, đường kính 3 cm, có một phần bị mục bể là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[10]. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Tại phiên tòa bị hại Huỳnh Thị P thống nhất với mức bồi thường tổn thất tinh thần mà vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị. Đối với phần yêu cầu bồi thường tiền ngày công lao động bà vẫn giữa nguyên yêu cầu ông Ú bồi thường bằng 300 ngày, mỗi ngày 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng). Xét thấy, quá trình điều tra và tại phiên tòa bà P chỉ cung cấp chứng từ và hồ sơ nhập viện thể hiện thời gian điều trị thương tích là 03 ngày (từ ngày 16/01/2022 đến ngày ra viện là ngày 18/01/2022). Tại phiên tòa bà P cũng thừa nhận sau khi xuất viện bà chỉ đến trạm y tế xã để rửa vết thương 02 lần và cũng không đi tái khám lại, bà điều trị thương tích khoảng 30 ngày thì tay bà hồi phục có thể cử động và làm việc nhẹ được. Vì vậy, đối với phần yêu cầu bồi thường tiền ngày công lao động 300 ngày, mỗi ngày 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) của bị hại P trong thời gian điều trị ngoại trú là không có căn cứ, nên không chấp nhận.

Căn cứ vào các Điều 584; 585; 590 ; Điều 468 của Bộ luật dân sự; Nghị Quyết: 02/2022/NQ-HĐTP, ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm Phán Toà án nhân nhân tối cao.

Buộc bị cáo Ú phải bồi thường cho bị hại Huỳnh Thị P tiền tổn thất tinh thần được tính bằng 10 tháng lương tối thiểu tại thời điểm xét xử là: 10 tháng x 1.800.000 đồng = 18.000.000 đồng và tiền ngày công lao động thu nhập bị mất của bị hại Huỳnh Thị P bằng 30 ngày x 200.000 đồng/ngày = 6.000.000 đồng. Tổng cộng: 24.000.000 đồng (*Hai mươi bốn triệu đồng*).

Đối với bị hại Nguyễn Văn C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn Khánh L1 không yêu cầu bồi thường trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11]. Về án phí: Bị cáo là người cao tuổi nên miễn án phí cho bị cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn U phạm tội "*Cố ý gây thương tích*".

- Căn cứ: Điều 268 và Điều 269 Bô luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 134; điểm e, i, o, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn U 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (Một) năm. Thời gian thử thách được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn U cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh là nơi bị cáo cư trú và gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp trong việc giám sát, giáo dục đối với bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Nguyễn Văn U thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách: Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo (Nguyễn Văn U) cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo (Nguyễn Văn U) phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: tịch thu tiêu hủy 01 (một) cây dao bằng kim loại dài 40 cm, cán dao làm bằng gỗ dài 15 cm bị nứt phía dưới cán, lưỡi dao làm bằng kim loại màu đen dài 25 cm, nơi rộng nhất lưỡi dao dài 6 cm; 01 (một) đoạn tre khô dài 102 cm, đường kính 3 cm, có một phần bị mục bể.

3. *Về trách nhiệm bồi thường dân sự*: Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 590 Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Nguyễn Văn U bồi thường cho bị hại Huỳnh Thị P tiền tổn thất tinh thần là 18.000.000 đồng (*Mười tám triệu đồng*) và tiền ngày công lao động thu nhập bị mất là 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*). Tổng cộng: 24.000.000 đồng (*Hai mươi bốn triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. *Về án phí*: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 12 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q1;

Bị cáo Nguyễn Văn U được miễn toàn bộ án phí hình sự và dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho các bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa biết, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày án sơ thẩm tuyên. Riêng bị cáo vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07 và 09 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- CCTHADS huyện C;
- Công an huyện C;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Nhật Thành